TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C M** TỈNH A G	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2023/DS-ST
Ngày: 07/4/2023
V/v trAh chấp*"hợp đồng thuê tài sản"*.

NHÂN DAH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C M, TỈNH A G

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Huy Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn ThAh Liêm

2. Ông Trương Phước Công

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Tường Vi, Thư ký Toà án nhân dân huyện C M, tỉnh A G.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C M, tỉnh A G tham gia phiên tòa: Ông Hồ ThAh Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện C M xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 361/2023/TLST- DS ngày 15 tháng 11 năm 2022 về trAh chấp*"Hợp đồng thuê tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 649/2022/QĐXX-ST ngày 27 tháng 12 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2023/QĐ-TA ngày 13 tháng 01 năm 2023; Quyết định ngừng phiên tòa số 46/2022/QĐ-TA ngày 30 tháng 01 năm 2023 và Thông báo mở lại phiên tòa số 46/2022/TB-TA ngày 27 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Trần ThAh P, sinh năm 1977; địa chỉ: số 372B, khóm Tân Đông B, thị trấn ThAh B, huyện ThAh B, tỉnh Đồng T, (vắng mặt).

Đại diện hợp pháp cho nguyên đơn: Bà Lê Thị Thùy TrAg, sinh năm 1983; địa chỉ: số 7, ấp 3, xã Phú Lợi, huyện ThAh B, tỉnh Đồng T, là đại diện ủy quyền theo Văn bản ủy quyền ngày 14/11/2022 được Văn phòng Công chứng Lý ThAh Dũng chứng nhận, (có mặt).

2. Bị đơn: Bà Hồ Thị Thúy H, sinh năm 1983; địa chỉ: ấp Tấn Long, xã Tấn M, huyện C M, tỉnh A G, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai thu thập trong quá trình giải quyết vụ án và lời trình bày tại các phiên hòa giải, nguyên đơn, người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn trình bày: ông P cho rằng ngày 07/01/2020 giữa ông và chị Hồ Thị Thúy H làm hợp đồng mua bán xe, theo hợp đồng bà H bán cho ông chiếc xe WAVE, hiệu HONDA, biển số 67L1 - 833.96 với giá 10.000.000 đồng (mười triệu). Sau đó, ngày 07/02/2020, bà H có đến Cửa hàng của ông, bà H xin thuê lại chiếc xe nêu trên, ông và bà H làm hợp đồng thuê xe với giá 560.000 đồng/tháng, thời giA thuê từ ngày 07/02/2020 đến 07/8/2020 thì phải trả xe và tiền thuê xe nhưng từ ngày 07/7/2021 đến nay bà H không trả xe cũng như không trả bất cứ khoản tiền thuê xe nào cho ông.

Vì vậy, ông khởi kiện yêu cầu Tòa án:

- Buộc bà Hồ Thị Thúy H trả cho ông chiếc xe WAVE, hiệu HONDA, biển số 67L1 – 833.96 và trả tiền thuê xe tạm tính từ ngày 07/7/2021 đến ngày 07/10/2022 là 16 tháng x 560.000 đồng, số tiền 8.960.000 đồng (tám triệu chín trăm sáu mươi nghìn).

- Trường hợp, thời điểm Tòa án giải quyết vụ án chiếc xe WAVE, hiệu HONDA, biển số 67L1 – 833.96 không còn hoặc không thể làm việc được với bà H thì yêu cầu chị H trả cho ông số tiền thuê xe và số tiền tương đương giá trị chiếc xe mà ông đã mua của bà H là 10.000.000 đồng. Tổng cộng 18.960.000 đồng.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện là: Đơn khởi kiện; tờ tự khai của ông Trần ThAh P; 01 (một) giấy chứng nhận kinh doAh, giấy bán xe 07/01/2020 + Biên nhận tiền, hợp đồng thuê xe ngày 07/02/2020, giấy xin thuê xe ngày 25/01/2020, hình ảnh giao nhận xe thuê (đều là bản photo).

Bị đơn Hồ Thị Thúy H vắng mặt nên không thể ghi nhận được ý kiến, không cung cấp văn bản trình bày ý kiến, tài liệu, chứng cứ nên không tiến hành hòa giải được. Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn vắng mặt, người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn trình bày, vẫn giữ nguyên ý kiến, yêu cầu khởi kiện. Yêu cầu bà H có nghĩa vụ trả số tiền trả tiền thuê xe tạm tính từ ngày 07/7/2021 đến ngày 07/10/2022, số tiền 8.000.000 đồng (tám triệu), rút lại số tiền 960.000 đồng so với yêu cầu khởi kiện và thống nhất với giá trị chiếc xe được Hội đồng định giá là 8.800.000 đồng; tuy nhiên, chỉ yêu cầu số tiền 8.000.000 đồng, rút lại 2.000.000 đồng so với yêu cầu khởi kiện. Tổng cộng, hai khoản yêu cầu bà H có nghĩa vụ trả là 16.000.000 đồng (mười sáu triệu).

Bị đơn Hồ Thị Thúy H vắng mặt nên không thể ghi nhận được ý kiến, không tiến hành hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C M phát biểu quA điểm về giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 195, 196, 197, 198 và Điều 203; Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 về phiên tòa sơ thẩm, bảo đảm các trình tự, thủ tục và quyền trAh tụng tại phiên tòa.

- Việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng đối với nguyên đơn, từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, 71 và Điều 234; bị đơn từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, 72 và Điều 234 từ khi thụ lý vụ án, tại phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 76 và Điều 234 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về giải quyết vụ án: đề nghị Tòa án buộc bà H có nghĩa vụ trả số tiền trả tiền thuê xe số tiền 8.000.000 đồng (tám triệu) và giá trị chiếc xe mà ông cho bà H thuê theo giá trị được Hội đồng định giá tài sản, định giá là 8.800.000 đồng, nhưng chỉ yêu cầu 8.000.000 đồng nên cần ghi nhận, rút lại 2.000.000 đồng so với yêu cầu khởi kiện.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 471, 481, 482 Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 217, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần ThAh P.

- Buộc bà Hồ Thị Thúy H có nghĩa vụ trả cho ông Trần ThAh P (tiền thuê xe và giá trị chiếc xe), số tiền 16.000.000 đồng.

- Đình chỉ yêu cầu của ông Trần ThAh P đối với số tiền 2.960.000 đồng

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả trAh luận tại phiên toà và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quA hệ trAh chấp: Theo đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ trả tiền thuê xe và giá trị chiếc xe thuê và lãi suất; căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định là trAh chấp *"hợp đồng thuê tài sản"*.

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn có địa chỉ cư trú tại huyện C M nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C M, tỉnh A G theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về sự vắng mặt của các đương sự: bị đơn vắng mặt tuy được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[4] Về nội dung:

[4.1] Về việc xác lập và thực hiện hợp đồng: Do quen biết, ngày 07/01/2020, giữa ông Trần ThAh P với bà Hồ Thị Thúy H có làm hợp đồng mua bán có chứng thực của Ủy bA nhân dân thị trấn ThAh B, huyện ThAh B, tỉnh Đồng T, theo hợp đồng bà H bán cho ông P chiếc xe Wave, hiệu Honda, biển số 67L1 – 833.96 với giá 10.000.000 đồng. Sau đó, đến ngày 07/02/2020, bà H có đến Cửa hàng của ông P xin thuê lại chiếc xe trên làm P tiện di chuyển, các bên làm hợp đồng thuê với giá 560.000 đồng/tháng, thời giA thuê từ ngày 07/02/2020 đến 07/8/2020; từ ngày 07/7/2021 đến nay bà H không trả xe cũng như không trả tiền thuê xe cho ông P.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện là: 01 (một) giấy chứng nhận kinh doAh, giấy bán xe 07/01/2020 + Biên nhận tiền, hợp đồng thuê xe ngày 07/02/2020, giấy xin thuê xe ngày 25/01/2020, hình ảnh giao nhận xe thuê (đều là bản photo).

[4.2] Về nhận định, đánh giá tài liệu, chứng cứ:

Căn cứ ông P khởi kiện là hợp đồng thuê xe ngày 07/02/2020, giấy xin thuê xe ngày 25/01/2020 của bà H, hình ảnh giao nhận xe thuê, có cơ sở xác định hợp đồng thuê xe được các bên xác lập trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có thỏa thuận thời giA, mục đích, giá thuê xe hoàn toàn phù hợp quy định pháp luật dân sự. Sau khi thuê xe sử dụng, hết thời hạn thuê, bà H không trả xe, tiền thuê xe, đã vi phạm cam kết thỏa thuận trong hợp đồng.

Ông P trình bày, ông đã nhiều lần yêu cầu bà H trả tiền thuê và trả lại chiếc xe nhưng bà H không thực hiện nghĩa vụ đã vi phạm cam kết.

Thời điểm Tòa án thụ lý vụ án, đã tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng nhưng bà H đều vắng mặt, không thể hiện ý kiến đối với tài liệu, chứng cứ, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; những tài liệu, chứng cứ ông P cung cấp là có căn cứ, phù hợp quy định tại các Điều 91, 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vì vậy, ông P khởi kiện yêu cầu bà H trả tiền thuê xe và giá trị chiếc xe 16.000.000 đồng là có căn cứ phù hợp Điều 481 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[5]Về số tiền lãi: nguyên đơn không yêu cầu bất cứ khoản tiền lãi nào, không đề cập.

[6]Về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện: Ông P rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 2.960.000 đồng (gồm tiền thuê xe và giá trị xe), việc rút một phần khởi kiện của ông P là hoàn toàn tự nguyện, không trái luật nên cần đình chỉ.

[7]Về chi phí tố tụng: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu chi phí tố tụng; chi phí định giá tài sản đối với chiếc xe là 600.000 đồng, ông P đã tạm nộp nên bà H phải có nghĩa vụ hoàn lại cho ông P.

[8] Về án phí: Căn cứ khoản 3 Điều 144; Khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy bA Thường vụ Quốc hội;

Do yêu cầu được chấp nhận nên ông Trần ThAh P không phải chịu án phí, được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0012888 ngày 14 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C M, tỉnh A G.

Bị đơn Hồ Thị Thúy H phải chịu án phí theo quy định với tỷ lệ 5% số tiền có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn, tương ứng 800.000 đồng.

[9] Đánh giá quA điểm đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ được Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 273, Điều 217, 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 472, 473, 481, 482 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy bA Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Xử:

1.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần ThAh P đối với bà Hồ Thị Thúy H.

Buộc bà Hồ Thị Thúy H có nghĩa vụ trả cho ông Trần ThAh P số tiền 16.000.000 đồng (mười sáu triệu).

1.2 Đình chỉ yêu cầu của ông Trần ThAh P đối với số tiền 2.960.000 đồng (hai triệu chín trăm sáu mươi nghìn).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về chi phí tố tụng: bà Hồ Thị Thúy H có nghĩa vụ hoàn lại cho ông Trần ThAh P chi phí định giá với số tiền 600.000 đồng (sáu trăm nghìn).

3. Về án phí:

Ông Trần ThAh P được hoàn lại 772.000 đồng (bảy trăm bảy mươi hai nghìn) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0012888 ngày 14 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C M, tỉnh A G.

Bị đơn Hồ Thị Thúy H phải chịu 800.000 đồng (tám trăm nghìn) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự gồm nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bản án. Bị đơn Hồ Thị Thúy H vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc nhận được niêm yết bản án theo quy định để Tòa án nhân dân tỉnh A G xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAD tỉnh A G;
- VKSND H. C M;
- Chi cục THADS H. C M;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Huy Phong

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự gồm nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quA được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bản án để Tòa án nhân dân tỉnh A G xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Kết quả biểu quyết: 3/3 thành viên thống nhất.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Biên bản nghị án kết thúc vào lúc…….giờ…….phút cùng ngày, có đọc lại cho các thành viên Hội đồng cùng nghe, cùng thống nhất biểu quyết tất cả các vấn để và ký tên.

THÀNH VIÊN **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**	**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM** **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
	Hà Huy Phong